

Số: 258/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2002 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-BQL ngày 04/12/2024 của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 04);

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai:

1.1 Công khai phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi QLDA năm 2024 (lần 04)
(Đính kèm QĐ số 257/QĐ-BQL ngày 04/12/2024)

1.2 Thời gian công khai là 30 ngày.

Điều 2. Kế toán BQL dự án đầu tư xây dựng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Công khai tại trụ sở BQL;
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH


Nguyễn Đăng Thư

Số: 257/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án
của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 04)

GIÁM ĐỐC BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ Tài chính về việc Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Thuận Bắc về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-BQL ngày 20/12/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc về việc Phê duyệt dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-BQL ngày 24/5/2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 01);

Căn cứ quyết định số 251/QĐ-BQL ngày 15/11/2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 03);

Căn cứ nguồn thu được trích từ chi phí quản lý dự án của các công trình được giao quản lý và nguồn thu hợp pháp khác trong năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 (lần 04) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc, giá trị dự toán được duyệt là: **2.712.182.522 đồng**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	PHẦN THU	2.712.182.522	2.222.135.106	490.047.416	
I	Tổng thu	2.712.182.522	2.222.135.106	490.047.416	
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang				
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý = a+b	2.222.135.106	2.222.135.106		
a	Thu kỳ trước (theo QĐ số 251/QĐ-BQL ngày 15/11/2024)	2.131.596.048	2.131.596.048		
2.1	Trường MG Phước Kháng (phòng đa năng cơ sở chính; 05 phòng học cơ sở Suối Le, 04 phòng, bếp ăn liên hoàn, nhà vệ sinh cơ sở Cầu Đá)	391.352.759	391.352.759		
2.2	Dự án phát triển du lịch công đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	154.701.510	154.701.510		
2.3	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho dân thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	218.300.620	218.300.620		
2.4	Hệ thống điện phục vụ vùng sản xuất Cây Sung-Tà Lóc thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	55.437.489	55.437.489		
2.5	Đường giao thông xã Phước Chiến	107.317.052	107.317.052		
2.6	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá Lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	234.883.993	234.883.993		
2.7	Trường Mẫu giáo Bắc Sơn	138.235.262	138.235.262		
2.8	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	385.827.960	385.827.960		Chuyển sang năm sau 300tr tiếp tục sử dụng (II)
2.9	Hệ thống kênh mương các thôn xã Phước Kháng	228.616.993	228.616.993		

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
2.10	Cải tạo nút giao thông Quốc Lộ 1A tại lý trình Km 1537+150,000 (giai đoạn 2 theo QĐ 129/QĐ-UBND ngày 24/01/2024)	75.313.429	75.313.429		
2.11	Trường tiểu học Gò Sạn (hạng mục 03 phòng bộ môn)	66.203.875	66.203.875		
2.12	Trường tiểu học Công Hải (hạng mục 02 phòng học, 03 phòng bộ môn)	75.405.106	75.405.106		
b	Thu kỳ này	90.539.058	90.539.058		
2.13	Trường tiểu học Xóm Bằng (hạng mục 03 phòng bộ môn)	89.492.249	89.492.249		
2.14	Trường tiểu học Gò Sạn (hạng mục 03 phòng bộ môn)	1.046.809	1.046.809		
3	Dự án bổ sung trong năm				
4	Nguồn thu hợp pháp khác=a+b	490.047.416		490.047.416	
a	Thu kỳ trước (theo QĐ số 251/QĐ-BQL ngày 15/11/2024)	471.815.723		471.815.723	
4.1	Nhà làm việc Công an xã Bắc Phong	45.935.180		45.935.180	
4.2	Sửa chữa trụ sở làm việc UBND huyện Thuận Bắc	25.845.000		25.845.000	
4.3	Nhà làm việc Công an xã Bắc Sơn	44.798.000		44.798.000	
4.4	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc	10.471.255		10.471.255	
4.5	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc năm 2024	18.331.780		18.331.780	
4.6	NC, SC kênh tưới thuộc tuyến bi số 02A thôn Mỹ Nhon, xã Bắc Phong	6.689.150		6.689.150	
4.7	NC, SC kênh tưới đồng Góc Dâu thôn Ba Hồ, xã Công Hải	6.721.780		6.721.780	
4.8	Khắc phục sạt lở đoạn đường đập Cây Sung đến vùng Tà Lốc thôn Xóm Bằng xã Bắc Sơn	4.611.600		4.611.600	
4.9	Sửa chữa các trường học cấp tiểu	16.250.461		16.250.461	

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
	học năm 2024				
4.10	Sửa chữa các trường học cấp mẫu giáo năm 2024	3.619.535		3.619.535	
4.11	Sửa chữa các trường học cấp THCS năm 2024	13.793.370		13.793.370	
4.12	Duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn Động Thông, (Đoạn từ nhà Bà Chamalé Thị Danh đến nhà bà Chamalé Thị Nhé)	20.091.697		20.091.697	
4.13	Duy tu sửa chữa đoạn đường thôn Tập Lá (Đoạn từ nhà ông Chamalé Toàn Giáp tính lộ 706)	29.348.046		29.348.046	
4.14	Duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông Nông thôn đầu suối A, (Đoạn 1 từ nhà ông Chamalé Tấn đến nhà ông Chamalé Quyến); (Đoạn 2 từ nhà bà Chamalé Thị Theo đến nhà ông Kator Tư)	29.427.350		29.427.350	
4.15	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông xã Công Hải	17.238.662		17.238.662	
4.16	Duy tu, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, xã Công Hải	19.175.964		19.175.964	
4.17	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn Động Thông (Đoạn từ nhà ông Kator Khương đến nhà ông Chamalé Bình, nhánh lên nhà bà Chamalé Thị Phế và đường tam nông cũ 252 mét)	47.801.676		47.801.676	
4.18	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn Bình Nghĩa	22.150.811		22.150.811	
4.19	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông thôn Xóm Bằng	14.010.990		14.010.990	
4.20	Thu lãi tiền gửi từ tài khoản 3739 (tháng 8-9-10/2024)	56.805		56.805	
4.21	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế	57.633.811		57.633.811	
4.22	Duy tu, sửa chữa trường tiểu học	4.047.791		4.047.791	

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
	Bà Râu (hạng mục: nhà vệ sinh)				
4.23	Duy tu, sửa chữa trường mẫu giáo Lợi Hải-Cơ sở Ấn Đạt	13.76.5009		13.765.009	
b	Thu kỳ này	18.231.693		18.231.693	
4.24	Tiền lãi tháng 11/2024 tiền gửi tư vấn quản lý dự án TK 3739	1.701		1.701	
4.25	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc năm 2024	18.229.992		18.229.992	
5	Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ				
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp sử dụng	300.000.000	300.000.000		
	Thu kỳ trước (theo QĐ số 251/QĐ-BQL ngày 15/11/2024)	300.000.000	300.000.000		
1	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	300.000.000	300.000.000		
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)=(a)+(b)+(c)+(d)	2.412.182.522	1.922.135.106	490.047.416	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ				(a)
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	2.412.182.522	1.922.135.106	490.047.416	(c)
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên				(b)
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên				(d)
B	PHẦN CHI	2.412.182.522	1.922.135.106	490.047.416	
I	Chi thường xuyên giao tự chủ	2.412.182.522	1.922.135.106	490.047.416	≤ (c)
1	Tiền lương	594.421.200	594.421.200		
2	Tiền công	21.200.000	16.033.620	5.166.380	
3	Các khoản phụ cấp lương	114.215.319	55.988.505	58.226.814	
3.1	Phụ cấp làm thêm giờ	112.109.319	53.882.505	58.226.814	
3.2	Phụ cấp cấp ủy	2.106.000	2.106.000		
4	Các khoản trích nộp theo lương	133.369.686	133.369.686		
5	Chi khen thưởng				
6	Chi phúc lợi tập thể				

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	23.000.000	19.206.030	3.793.970	
8	Chi mua vật tư văn phòng	50.000.000	34.340.763	15.659.237	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	15.000.000	13.044.692	1.955.308	
10	Chi hội nghị				
11	Chi công tác phí	56.000.000	44.000.000	12.000.000	
12	Chi thuê mướn	49.500.000	40.119.713	9.380.287	
13	Chi đoàn công tác tại nước ngoài				
14	Chi vào đoàn				
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	40.000.000	35.610.000	4.390.000	
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý				
17	Chi phí khác	1.315.476.317	936.000.897	379.475.420	
18	Dự phòng				
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)				=(a)
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp				=(b)
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
1.5	Khác				
2	Chi không thường xuyên theo quy định từ Quỹ				=(d)
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
2.5	Khác				

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Tổ chức-Hành chính-Kế toán và Phòng quản lý dự án BQL dự án đầu tư xây dựng căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN Thuận Bắc;
- Lưu VT;KT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Đăng Thư

